



CHÍNH SÁCH BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ CỦA NHẬT BẢN

TS. NGUYỄN THỊ THU HÀ*

1. Hệ thống di sản văn hóa phi vật thể của Nhật Bản

Di sản văn hóa, bao gồm các di sản vật thể và phi vật thể, là kết tinh của những giá trị vật chất và tinh thần, phản ánh sự hiện diện và bản sắc của một xã hội, một nền văn hóa; là vật trao truyền, kết nối quá khứ tới hiện tại và tương lai của các cộng đồng, các dân tộc trên toàn thế giới. Di sản văn hóa có vai trò quan trọng để hiểu rõ ràng và chính xác về lịch sử và văn hóa, đồng thời, cũng là nền tảng thúc đẩy sự phát triển và tăng trưởng bền vững trong tương lai của một dân tộc. Với những giá trị đó, di sản văn hóa và đặc biệt là di sản văn hóa phi vật thể luôn là đối tượng được đề cao, tiếp nhận nhiều sự quan tâm, ưu đãi và đầu tư trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị của chúng trong đời sống đương đại của nhiều quốc gia.

Hệ thống các di sản văn hóa phi vật thể ở Nhật Bản được phân loại theo các nhóm dưới đây bởi Hội đồng Văn hóa Nhật Bản (Council for Cultural Affairs, trực thuộc Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ Nhật Bản):

- Tài sản văn hóa phi vật thể bao gồm kịch, âm nhạc, kỹ thuật thủ công. Nhóm di sản này cũng được đặt dưới hai nhóm bảo vệ của nhà nước: là tài sản văn hóa phi vật thể quan trọng và được lựa chọn là tài sản văn hóa phi vật thể cần có các biện pháp lưu trữ dữ liệu.

- Tài sản văn hóa dân gian phi vật thể: gồm các phong tục tập quán liên quan tới các món ăn, trang phục và nhà ở, nghề nghiệp, tín ngưỡng và các lễ hội thường niên (ví dụ như nghệ thuật biểu diễn dân gian, kỹ năng dân gian). Các di sản thuộc nhóm này được đưa vào 2 nhóm bảo vệ: là tài sản văn hóa phi vật thể dân gian quan trọng; tài sản

văn hóa phi vật thể dân gian cần có các biện pháp lưu trữ dữ liệu.

Ngoài hai nhóm di sản văn hóa phi vật thể trên, Nhật Bản còn tiến hành thống kê các kỹ thuật bảo tồn dành cho các tài sản văn hóa bao gồm các kỹ thuật sản xuất ra các vật liệu, kỹ thuật bảo tồn và phục hồi cần thiết cho công tác bảo tồn các tài sản văn hóa. Các kỹ thuật này được đánh giá và lựa chọn để đưa vào hệ thống các kỹ thuật bảo tồn được tuyển chọn.

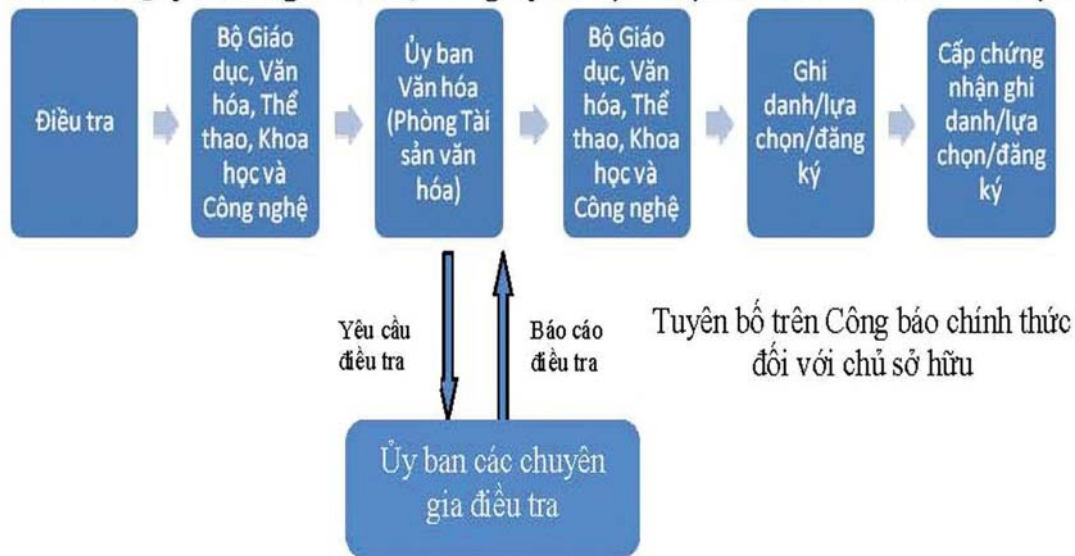
Tới nay, Nhật Bản có 21 di sản văn hóa phi vật thể được ghi danh trong Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại¹, là quốc gia thứ ba trên thế giới ký *Công ước bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO 2003*.

2. Chính sách bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể của Nhật Bản

Theo *Luật bảo vệ tài sản văn hóa*, Chính phủ Nhật Bản ghi danh và lựa chọn các tài sản văn hóa quan trọng nhất và áp đặt các quy định liên quan tới hoạt động sửa chữa hay xuất khẩu các tài sản này. Đồng thời, thực hiện nhiều biện pháp cần thiết để bảo vệ và phát huy giá trị của các tài sản văn hóa của nước mình.

Đối với hệ thống các di sản văn hóa phi vật thể được đề cập tới ở phần trên, và hệ thống các di sản chưa được lựa chọn, ghi danh vào các danh mục chính thức này, ngoài việc thực thi các hoạt động bảo tồn, bảo vệ di sản trước các nguy cơ, Chính phủ còn tài trợ cho các chương trình đào tạo các thế hệ những người thực hành di sản kế cận hay lưu trữ dữ liệu. Công tác ghi danh, lựa chọn và đăng ký cho các tài sản văn hóa do Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ thực hiện dựa trên dữ liệu đánh giá trình lên Bộ bởi Ủy ban Văn hóa (Council for Cultural Affairs).

* Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam

**Hình 1: Quy trình ghi danh, đăng ký và lựa chọn tài sản văn hóa ở Nhật Bản²**

Đối với di sản văn hóa phi vật thể, Chính phủ Nhật Bản có chính sách bảo tồn và phát huy cụ thể, chuyên biệt đối với từng nhóm di sản. Chính phủ Trung ương thực thi biện pháp ghi danh đối với các tài sản văn hóa phi vật thể có giá trị đặc biệt quan trọng vào danh sách “Tài sản văn hóa phi vật thể quan trọng”; đồng thời cũng thừa nhận các cá nhân và nhóm nghệ nhân có trình độ nghệ thuật chế tác cao và phù hợp là những người nắm giữ những tài sản văn hóa phi vật thể quan trọng đó, để đảm bảo việc chuyển giao các kỹ thuật chế tác truyền thống này được tiếp tục thực hiện. Sự thừa nhận này của Nhà nước được thể hiện dưới ba dạng thức: Cá nhân, tập thể và nhóm nắm giữ di sản.

Để bảo vệ các di sản thuộc nhóm các tài sản văn hóa phi vật thể quan trọng này, hàng năm, Chính phủ cấp một khoản tiền 2 triệu Yên, tương đương 17 nghìn đô la Mỹ, cho mỗi nghệ nhân có danh hiệu “Báu vật sống của quốc gia” và tài trợ cho các chương trình đào tạo thế hệ nghệ nhân kế cận, các chương trình biểu diễn của các nhóm thực hành di sản, chính quyền địa phương và các tổ chức khác hay các cuộc trưng bày/triển lãm các tác phẩm sáng tạo gắn với nghệ thuật chế tác thủ công hay nghệ thuật chế tác hỗ trợ các tài sản văn hóa khác của cá nhân, nhóm sở hữu di sản, nhằm thúc đẩy sự hiểu biết sâu rộng hơn về các kỹ thuật này và tầm quan trọng của việc chuyển giao các kỹ thuật này cho thế hệ tiếp theo.

Đối với các di sản văn hóa phi vật thể thuộc nhóm tài sản văn hóa phi vật thể dân gian, thường nhận được sự tài trợ của Nhà nước qua các dự án đào tạo thế hệ kế tục, phục hồi hoặc làm mới các công cụ hoặc vật dụng khác. Ngoài ra, Chính phủ còn tài trợ một khoản kinh phí nhất định trích từ ngân sách các địa phương và các cơ quan tổ chức liên quan để thực hiện các dự án điều tra số liệu về các tài sản văn hóa phi vật thể dân gian, cũng như phổ biến, đào tạo, trưng bày và sản xuất các phương tiện lưu trữ hình ảnh cho các di sản đó.

Đáng lưu ý, hệ thống ghi danh cho các Kỹ thuật bảo tồn đã được Chính phủ Nhật Bản hình thành qua một lần sửa đổi *Luật bảo vệ tài sản văn hóa* vào năm 1975. Theo hệ thống ghi danh này, Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ Nhật Bản chọn ra những kỹ thuật hay kỹ năng truyền thống, gắn với hoạt động bảo tồn di sản văn hóa để đưa vào danh mục “Kỹ thuật bảo tồn” và thực hiện các biện pháp hỗ trợ cho các cá nhân/nhóm thực hành các kỹ thuật này như lưu trữ dữ liệu, đào tạo thế hệ kế cận, tài trợ cho các chương trình nâng cao trình độ kỹ thuật và các chương trình quảng bá/phổ biến rộng rãi các di sản tới đông đảo người dân, nhằm đảm bảo rằng, các nghệ nhân, người thực hành di sản này có khả năng phục hồi nhiều tài sản văn hóa vật thể hay sản xuất ra các công cụ/vật liệu sử dụng cho các tài sản văn hóa phi vật thể.



Lễ hội mùa xuân tại thành phố Toyohashi - Ảnh: 한남수



Nghệ thuật Múa mặt nạ Hyottoko - Ảnh: Khánh Trang

3. Một số lưu ý đối với hoạt động bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam

Về quản lý Nhà nước, Chính phủ Nhật Bản với hạt nhân là Tổng cục Văn hóa Nhật Bản (Agency for Cultural Affairs)³ thực hiện hai hướng chính sách liên quan tới di sản văn hóa: Bảo vệ các tài sản văn hóa và quảng bá, phát huy văn hóa, nghệ thuật Nhật Bản. Đối với Nhật Bản, di sản văn hóa không chỉ là phương tiện chuyển tải các giá trị lịch sử và văn hóa, mà còn tạo thành nền tảng cho sự tăng trưởng và phát triển văn hóa trong tương lai và vì vậy, trong nhiều năm qua, Chính phủ Nhật Bản đã thực thi nhiều biện pháp nhằm bảo tồn và khai thác các giá trị văn hóa này cho mục đích tăng trưởng kinh tế. Thời gian đầu, hầu hết ngân sách của Tổng cục Văn hóa Nhật Bản đều dành cho việc bảo tồn các di sản văn hóa, tuy nhiên, trong những năm gần đây, cơ quan này đã mở rộng các chương trình và ngân sách của mình cho nhiều hoạt động liên quan tới sáng tạo, như nghệ thuật biểu diễn đương đại, âm nhạc và nghệ thuật thị giác,... (ví dụ như các chương trình phát huy giá trị di sản văn hóa cho du lịch và công

nh nghiệp sáng tạo trong khuôn khổ Cool Japan, một chiến lược quốc gia có trọng tâm là thúc đẩy sự xâm nhập của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực sáng tạo của Nhật Bản vào thị trường thế giới và từ đó, gia tăng sự hiện diện của các sản phẩm văn hóa Nhật Bản ở nước ngoài, thúc đẩy du lịch⁴).

Kinh nghiệm của Nhật Bản cho thấy rằng, di sản văn hóa là nguồn tài nguyên vô tận cho ngành công nghiệp sáng tạo có thể khai thác, không chỉ dừng lại ở việc phát triển du lịch văn hóa, các di sản, đặc biệt là di sản văn hóa phi vật thể với cốt lõi là sức sáng tạo của cộng đồng, có thể được sử dụng dưới các dạng thức khác, gia tăng giá trị cho các sản phẩm và dịch vụ khác của các ngành công nghiệp văn hóa và sáng tạo (thời trang, thiết kế, trò chơi trực tuyến, ẩm thực,...). Sự tăng trưởng mạnh mẽ của các tiểu ngành trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa và sáng tạo ở Nhật Bản cũng đồng thời cho thấy sự gia tăng của các cơ hội bảo tồn và phát huy bền vững di sản văn hóa, đặc biệt là các di sản văn hóa phi vật thể vốn là những kết tinh độc đáo của sức sáng tạo nhiều năm của con người.





Bài học về khai thác và phát huy giá trị của di sản văn hóa phi vật thể cho ngành công nghiệp sáng tạo và phát triển bền vững của Nhật Bản có tính khả thi cao trong việc xem xét áp dụng đối với lĩnh vực các ngành nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống ở nước ta hiện nay.

Việt Nam hiện có hơn 2000 làng nghề thủ công trên toàn quốc, tạo công ăn việc làm cho khoảng 1,5 triệu nhân công ở các vùng nông thôn⁵. Con số này cho thấy tiềm năng to lớn của hệ thống di sản văn hóa này trong việc thúc đẩy xuất khẩu thương mại các sản phẩm thủ công mỹ nghệ của Việt Nam trong những năm tới (so với vị trí thứ 8/10 quốc gia đang phát triển có thặng dư thương mại lớn trên thế giới hiện nay)⁶. Nếu được khai thác hợp lý, các sản phẩm thủ công mỹ nghệ và sức sáng tạo của nhiều cá nhân trong lĩnh vực này có thể biến Việt Nam trở thành một quốc gia mạnh về xuất khẩu thủ công mỹ nghệ trên thế giới, thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp văn hóa. Tiểu ngành này là lựa chọn hợp lý cho sự tăng trưởng và thịnh vượng của Việt Nam, một quốc gia đang trong quá trình và nỗ lực tìm kiếm nhiều phương cách nhằm bảo tồn hệ thống các di sản văn hóa, vật thể và phi vật thể phong phú và đặc sắc của mình, đồng thời hướng tới một sự phát triển kinh tế đa dạng và bền vững, biến văn hóa và di sản văn hóa thành lợi thế cạnh tranh về kinh tế của Việt Nam trong những năm tới.

Một lưu ý khác về kinh nghiệm quản lý, bảo tồn và khai thác các giá trị di sản văn hóa của Nhật Bản đối với Việt Nam là, việc xây dựng một ngân hàng dữ liệu điện tử về di sản văn hóa phi vật thể. Bên cạnh hệ thống ghi danh cho các di sản theo phân loại và tiêu chí cụ thể (báu vật quốc gia, di sản đặc biệt quan trọng, di sản quan trọng, di sản cần bảo vệ,...), Nhật Bản còn phát triển hệ thống đăng ký cho di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể truyền thống và di tích cần bảo vệ do sự biến đổi quy hoạch đất đai hay biến đổi lối sống xã hội⁷. Hệ thống đăng ký này động viên chủ sở hữu di sản hay địa phương, với sự hỗ trợ về kỹ thuật của các chuyên gia, có thể thực hiện các biện pháp bảo tồn tự nguyện cho chính các di sản của mình. Nước ta với một hệ thống phong phú và đa dạng các loại hình di sản văn hóa trên khắp cả nước, có thể xem xét mô hình hệ thống đăng

ký di sản này để có thể lập bản đồ di sản văn hóa phi vật thể một cách cập nhật và chủ động hơn, từ đó, tính toán và lên kế hoạch khai thác thế mạnh của các di sản này cho sự phát triển du lịch và công nghiệp văn hóa của từng địa phương, vùng miền một cách có hiệu quả./.

N.T.T.H

Chú thích:

1- <http://www.unesco.org/culture/ich/en/lists>

2- Agency for Cultural Affairs (2014), Policy of Cultural Affairs in Japan.

3- Được thành lập vào tháng 6 năm 1968 dưới sự sát nhập của hai đơn vị là Cục Văn hóa (Cultural Bureau) của Bộ Giáo dục và Ủy ban Bảo vệ tài sản văn hóa (Cultural Properties Protection Commission) với mục tiêu là quảng bá văn hóa và xúc tiến các hoạt động trao đổi văn hóa quốc tế hiện trực thuộc Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ Nhật Bản.

4- Nagata, Kazuaki (2012), "Exporting culture via Cool Japan" (Xuất khẩu văn hóa thông qua "Cool Japan"), The Japan Times, 15/5/2012.

Nguồn: <http://www.japantimes.co.jp/news/2012/05/15/news>

5- Số liệu từ Dự án Phát triển công nghiệp sáng tạo vì sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa - Củng cố sự bền vững của ngành công nghiệp sáng tạo tại Việt Nam (Phát triển du lịch các làng nghề ở tỉnh Quảng Nam) do UNESCO và Quỹ Tín thác Hàn Quốc tài trợ.

6- UNCTAD và UNDP (2010), Creative Economy 2010, Báo cáo.

7- <http://bunka.nii.ac.jp/>

Tài liệu tham khảo:

1- Agency for Cultural Affairs (2014), Policy of Cultural Affairs in Japan.

2- EU và EUROMED, Cultural Heritage as a socio-economic development factor.

3- Martha Friel (2010), Crafts, a hidden heart of creative industries. Tafter Journal. Nguồn:

<http://www.tafterjournal.it/2010/04/02/crafts-a-hidden-heart-of-creative-industries/>

4- Richard A. Engelhardt (2005), "Safeguarding Intangible Heritage: Cultural Industries and the Cultural Diversity Lens", Hội thảo quốc tế của các nhà quản lý chính quyền địa phương về giữ gìn Di sản văn hóa phi vật thể (Int'l workshop of Local Government Administrators for Safekeeping of the Intangible Cultural Heritage), 8-11/06/2005, Hàn Quốc.

5- <http://bunka.nii.ac.jp/>

(Ngày nhận bài: 18/12/2016; ngày phản biện đánh giá: 30/12/2016; ngày duyệt đăng bài: 05/01/2017).